

## GIỚI THIỆU SÁCH

### **BỔN DẠY CHẦU DÂNG - MỘT CUỐN SÁCH CẦN THIẾT CHO VIỆC NGHIÊN CỨU VỀ GIÁO LÍ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM**

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

TRẦN ANH ĐÀO<sup>(\*\*)</sup>

#### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Để truyền bá và phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam, một trong những việc cần làm đầu tiên của Công giáo ở Việt Nam là biên soạn sách kinh bổn cho tín đồ. Sách bổn thuộc vào loại sách giáo lí. Sách bổn hiểu một cách đại lược là sách mà Công giáo Việt Nam biên soạn những tín lí, những lễ đạo cần thiết để dạy tín đồ. Cuốn *Kinh Bổn*, Toà Giám mục Phát Diệm xuất bản, 1991, Phần II, *Sách bổn*, giải nghĩa là sách “dạy những lễ cần cho được rồi linh hồn.”

Cho đến đầu thế kỉ XX, hầu hết sách bổn đều được xuất bản bằng chữ Nôm. Theo linh mục Nguyễn Hưng: “Sách Hán Nôm Công giáo Việt Nam bắt đầu từ khi cộng đồng này có mặt ở Việt Nam, từ thế kỉ XVII cho đến đầu thế kỉ XX. Tức là từ mấy trang thư viết bằng chữ Nôm của Ben-tô Thiện và một số giáo dân đệ trình sang Toà Thánh các năm 1645 và 1675, cho đến cuốn sách Nôm xuất bản cuối cùng vào năm 1929 là cuốn *Thánh giáo kinh nguyện* (Hà Nội)”<sup>(1)</sup>.

#### **II. VÀI NÉT VỀ CUỐN SÁCH**

Trong số sách giáo lí được soạn bằng chữ Nôm của Giáo hội Công giáo Việt Nam đáng chú ý là cuốn *Bổn dạy Châu*

*dâng*. Sách do Giám mục Y-di-đô Lư Mi, giám mục giáo phận Tây Đàng Trong soạn. Y-di-đô Lư Mi là phiên âm từ tên riêng: Isidor François Joseph Colombert Mi, Giám mục thuộc Hội Thừa sai Paris (MEP), sinh ngày 19-3-1838; Chịu chức linh mục ngày 30-5-1863; Sang Nam Kỳ ngày 16-7-1863; Chịu chức Giám mục ngày 25-7-1872 ở Sài Gòn, hiệu toàn Samosate; Mất ngày 31-12-1894 tại Sài Gòn<sup>(2)</sup>.

*Bổn dạy châu dâng*, là sách bổn được soạn dùng cho người lớn có nhu cầu gia nhập đạo Công giáo học để được rửa tội.<sup>(3)</sup> Phần mở đầu với tiêu đề *Tiểu tự*, viết:

*Bấy lâu nay ta ước ao cho có một quyển sách trình bày vắn tắt, tóm lại những lễ cần kíp hơn trong Đạo Thánh Đức Chúa Trời, cho châu dâng đặng học. Nay ta đã coi lại bản cũ dạy châu dâng và thêm một vài điều. Cũng chép vào những kinh bổn đạo quen đọc hôm mai (sớm tối). Vậy phần thứ nhất và phần thứ hai bản này tóm lại những lễ cần kíp trong Đạo và những kinh thường châu dâng phải học thuộc lòng trước khi chịu phép rửa tội. Còn trong phần thứ hai, thì châu dâng phải học thuộc lòng chút ít nữa là Thiên Chúa thập giới và Hội Thánh luật điều. Ai nấy đều phải giữ lễ luật chung này mà dạy châu dâng trong địa phận ta.*

*Ta ban phép in sách này.*

\*. PGS. TS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

\*\*.. ThS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Linh mục Nguyễn Hưng. *Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam*, lưu hành nội bộ, 2000.

2. Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niên giám 2004*, Hà Nội, 2004, tr. 265.

3. Theo chúng tôi, trong từ “châu dâng”, “châu” có nghĩa là “chờ” (học để rửa tội); “dâng” có nghĩa là “đăng mình cho Thiên Chúa. *Bổn dạy châu dâng*: Sách bổn dạy cho những người chờ đăng mình cho Thiên Chúa.

Giám mục Y-di-đô Lư Mĩ ghi<sup>(4)</sup>.

Cuốn *Bốn dạy châu dăng* mà chúng tôi có trong tay để dịch là được in ra từ đĩa Micro film do linh mục G. Mossay, Hội Thừa sai Paris (MEP) gửi tặng.

Do không có bản gốc nên chúng tôi không rõ sách được in trên loại giấy gì. Sách có độ dày 44 trang, mỗi trang 8 dòng, mỗi dòng 24 chữ. Theo cuốn: *Mục lục thư tịch Hán Nôm* tàng trữ tại Hội Thừa sai Paris thì khổ sách là 23x14,4<sup>(5)</sup>. Căn cứ vào khổ sách có thể đoán được sách in trên giấy dó, một loại giấy in chữ Hán Nôm đương thời, và đây là loại mộc bản. Linh mục Nguyễn Hưng trong cuốn *Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam* cho biết sách do nhà in Nazareth in, 44 trang, in trên giấy tàu bạch<sup>(6)</sup>.

Tuy nhiên theo Linh mục Nguyễn Hưng thì tác phẩm này còn thất lạc, nhưng trên thực tế như đã trình bày ở trên thì sách hiện vẫn còn được lưu giữ tại thư khố của Hội Thừa sai Paris (MEP). Điểm lưu ý là độ dày của sách 44 trang là trùng với số trang của sách mà chúng tôi có trong tay. Còn sách được in trên giấy tàu bạch hay không, hiện chưa thể biết chính xác.

Cuốn sách *Mục lục thư tịch Hán Nôm* tàng trữ tại Hội Thừa sai Paris khi đề cập đến cuốn *Bốn dạy châu dăng* có một số điểm lưu ý sau đây:

Trang 16 viết: *Bốn dạy châu những*, đó là do dịch giả có sự nhầm lẫn giữa âm đọc chữ “仍” là “dưng” và “những”. Theo *Từ điển chữ Nôm* của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chữ “仍” gồm các âm đọc như “dưng”, “nhưng” “những”, nhưng cũng có trường hợp chữ *dưng* được viết bởi “dăng+thượng” (登上), tức là chữ *dăng* có

dấu nháy ( 登 ), như vậy có sự liên hệ giữa âm đọc và cách viết chữ *nhưng* và chữ *dưng* và cả chữ *dăng*<sup>(7)</sup>. Hơn nữa, theo chúng tôi, người soạn văn chữ Nôm này chịu ảnh hưởng của tiếng địa phương (Nam Bộ), nên chữ *châu dăng* được viết bởi chữ *châu dương* ( 朝 仍 ) mà không phải là *châu dăng* ( 朝 登上 ). Song đây cũng chỉ là phỏng đoán của chúng tôi, mong được các nhà Hán Nôm học chỉ giáo.

Trang 81, in hình chụp bìa cuốn *Bốn dạy châu dăng*.

Trang 82, chụp trang tiếp theo của cuốn sách, trang này được chia thành ba phần theo chiều dọc. Phần giữa rộng hơn in thời gian ấn tống: *Giáng sinh Một ngàn tám trăm tám hai năm* (Năm Thiên Chúa giáng sinh 1882), hai phần dọc hai bên hẹp hơn và phần in chữ cũng nhỏ hơn.

Phần dọc bên phải ghi: Khâm Chúa ái nhân chân phúc bản

Phần dọc bên trái ghi: Trừ tư át dục trắc Thiên\*<sup>(8)</sup> ( 悌 )

Những nội dung trên hầu hết phù hợp với nội dung thư mục được in ở trang 16 cuốn *Mục lục thư tịch Hán Nôm* tàng trữ tại Hội Thừa sai Paris. Sở dĩ chúng tôi viết “hầu hết” vì có một điểm đáng lưu ý trong nội dung thư mục còn ghi thêm sách được in tại nhà in Nazareth Hồng

4. Bản dịch của Trần Anh Đào, Nguyễn Hồng Dương hiệu đính.

5. *Mục lục thư tịch Hán Nôm*, tàng trữ tại Hội Thừa sai Ba-lê, Hội Thừa sai Ba-lê xuất bản, 2004, tr. 16.

6. Linh mục Nguyễn Hưng. *Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam*, Sđd., tr. 87.

7. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Từ điển chữ Nôm*, từ điều “Dăng” “Dưng”, “Nhưng”, 2006, Hà Nội, tr. 250, 290, 291.

8. Những chỗ đánh dấu \* này là những chữ mà chúng tôi chưa rõ.

Kụng. Phần nội dung này không thấy có trong mộc bản, như vậy có thể suy ra ngoài bản in năm 1882 (không rõ in ở đâu), còn có một bản in tại nhà in Nazareth. Cũng cần lưu ý một bản nữa in ở nhà in này vào năm 1897. Bản in này khác với bản 1882. Căn cứ vào bản chụp in trong cuốn *Mục lục thư tịch Hán Nôm* tàng trữ tại Hội Thừa sai Paris, trang bìa lót (Không thấy chụp trang bìa chính) có in hoa văn diềm xung quanh, được chia làm năm phần thay vì chia làm ba phần theo chiều dọc như bản in năm 1882. Phần giữa ghi chữ to đậm *Thiên Chúa giáng sinh Một ngàn tám trăm chín mươi bảy năm (năm Thiên Chúa giáng sinh 1897)*; Hai phần ở hai bên từ phải qua trái ghi chữ nhỏ hơn:

Hương Cảng chúa giáo Hoà Chuẩn

Khâm Chúa ái nhân chân phúc bản,

Trừ tư át dục trắc Thiên \* (悌)

Hương Cảng Nạp - tạp - lập  
(Nazareth) Tỉnh viện ấn bản.

Đây là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm, trong bài viết này chúng tôi chỉ xin đề cập đến bản in năm 1882.

### III. TOÁT YẾU NỘI DUNG

Ngoài trang bìa, trang bìa lót và Tiểu tự đã được chúng tôi trình bày ở trên, những trang còn lại là phần nội dung cuốn sách. Nội dung được soạn theo hình thức vấn đáp *Hỏi- Trả* với ba phần.

Phần thứ nhất gồm mười vấn đề xoay quanh những tín lí Công giáo, từ trang 5 đến trang 20. Trang 21 và hai dòng của trang 22 là phần tóm lại mười vấn đề đã được trình bày ở trên với đầu đề: *Tóm lại các điều trước nay*. Xin được trích nguyên văn:

*Sáu điều cần kíp mọi người phải biết và tin cho đặng rồi linh hồn: Một là: Tôi phải tin có một Đức Chúa Trời, mà Ngài có ba ngôi. Ngôi thứ nhất là Cha, ngôi thứ hai là Con và ngôi thứ ba là Đức Chúa Thánh Thần. Ba ngôi một tính một phép, ba ngôi một Chúa, ba ngôi bằng nhau. Hai là: Tôi phải tin ngôi thứ hai ra đời làm người có hồn có xác như ta, mà Ngài cũng là Đức Chúa Trời thực. Ba là: Tôi phải tin Đức Chúa Giêsu chịu nạn chịu chết trên cây thánh giá cho cả loài người ta. Bốn là: Tôi phải tin mỗi người có một linh hồn tính thiêng liêng, là loại hằng sống, chẳng hề chết được. Năm là: Tôi phải tin có thiên đường để thưởng lành đời đời, có địa ngục để phạt kẻ dữ kiếp kiếp. Sáu là: tôi phải tin đến ngày tận thế, xác loài người ta đến thì sống lại mà chịu phán xét chung, kẻ lành lên thiên đường hưởng phúc, kẻ dữ sa địa ngục chịu hình khổ đời đời chẳng hết (cùng). Lại (nữa) tôi cũng phải tin mỗi điều Hội Thánh dạy chẳng sót điều nào.*

Phần thứ hai, từ trang 22 đến trang 30, gồm các nội dung:

- Thiên Chúa Thập giới. (Mười điều răn đạo đức Chúa Trời).
- Hội Thánh lục giới. (Sáu điều răn của Hội Thánh).
- Thương xác bảy điều. (Thương xác bảy mối).
- Thương linh hồn bảy điều. (Thương linh hồn bảy mối).
- Cải tội bảy mối. (Cải tội bảy mối có bảy đức).
- Phúc thật tám mối. (Tám mối phúc thật).

Phần thứ ba, từ trang 30 đến trang 42 viết về các *Kinh ban ngày* cho người châu dân đọc, bao gồm:

- Kinh Lấy dấu
- Kinh Nhật một
- Kinh Tin
- Kinh Cây
- Kinh Kính mến
- Kinh Dâng
- Kinh Lạy Cha
- Kinh Kính mừng
- Kinh Tín kính
- Kinh Cáo mình
- Kinh ăn năn tội
- Kinh Tôi thưa Đức Chúa Thiên thần
- Kinh Lạy Nữ vương
- Kinh Chúng tôi trông cậy

#### IV. MỘT VÀI NHẬN XÉT

Đúng như phần *Tiểu tự*, cuốn sách đã trình bày một cách toát yếu những điều cần thiết để dạy bốn đạo, đó là những lý tín cơ bản của Công giáo, những lề luật mà người châu dân phải biết và một số kinh cầu cốt yếu mà họ phải thuộc trước khi chịu phép rửa tội.

Sách được soạn vào năm 1882, trên cơ sở của cuốn sách trước đó. Những nội dung biên soạn về cơ bản cho đến nay vẫn thấy sử dụng trong các sách kinh, bốn của các địa phận Công giáo. Điều này cho thấy từ rất sớm, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam đã định hình được những vấn đề cốt lõi để dạy tín đồ.

Hình thức thể hiện ở phần thứ nhất: dạy những lý tín theo cách hỏi đáp, ngắn gọn, súc tích, giúp cho người châu dân dễ thuộc, dễ nhớ, vì hẳn là phần lớn trong số họ đều không biết chữ. Hình thức này, ngày nay Giáo hội vẫn tiếp tục sử dụng bởi tính hiệu quả cao của nó.

Sách do Giám mục Sài Gòn soạn bằng chữ Nôm nên chúng ta bắt gặp một số từ ngữ địa phương như *châu dưng (dâng)*, *ả, hôm mai, v.v...*

Đặc biệt, qua cuốn sách chúng ta biết được một số thuật ngữ (Công giáo) cũng như cách dịch đương thời. Xin được dẫn một vài trường hợp:

Bí tích *thêm sức*, được ghi là *xức trán*. Bí tích này làm cho tín đồ được chịu lấy Đức Chúa Thánh Thần cùng nhiều ơn thêm sức cho mạnh tin mà xưng đạo thánh Đức Chúa Trời ra trước mặt thiên hạ, thà chết chẳng bỏ đạo<sup>(9)</sup>. Sở dĩ lúc bấy giờ gọi là *Phép xức trán* vì người thực hiện bí tích này “chấm ngón tay cái vào dầu thánh thơm và để tay lên đầu kẻ chịu phép, đoạn lấy ngón tay cái đã chấm dầu thánh vẽ dấu thánh giá lên trán người ấy”<sup>(10)</sup>.

Về cách dịch, xin được dẫn hai trường hợp: một là *Mười điều răn*; Hai là *Kinh lạy Cha*. Để bạn đọc hình dung, chúng tôi tiến hành so sánh giữa sách *Bốn dạy châu dân* (được đánh số là bản 1) với sách *Giáo lý Giáo hội Công giáo*, sách biên soạn cho giáo dân Việt Nam, in năm 1996, (được đánh số là bản 2):

9. *Sách Kinh bốn*, Tòa Giám mục Phát Diệm xuất bản, 1991, trang 303.

10. *Sách Kinh bốn*, Tòa Giám mục Phát Diệm xuất bản, 1991, trang 303-304.

**Về Mười điều răn**

| Bản 1                                                                                                                           | Bản 2                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Thiên Chúa Thập giới                                                                                                            | Mười điều răn Đạo Đức Chúa trời                                                   |
| Thứ nhất: Kính trọng một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự                                                                          | Thứ nhất: Thờ phượng một Đức Chúa Trời duy nhất và kính mến Người trên hết mọi sự |
| Thứ hai: Chớ lấy tên Đức Chúa Trời mà thề dối                                                                                   | Thứ hai: Chớ kêu tên Đức Chúa trời vô cớ                                          |
| Thứ ba: Giữ ngày Chúa nhật                                                                                                      | Thứ ba: Giữ ngày Chúa nhật                                                        |
| Thứ bốn: Thảo kính cha mẹ, cùng các đấng bề trên, phần hồn phần xác                                                             | Thảo kính Cha Mẹ                                                                  |
| Thứ năm: Chớ giết người. Chớ làm hại cho người, chớ làm điều xấu.                                                               | Thứ năm: Chớ giết người                                                           |
| Thứ sáu: Chớ làm tà dâm.                                                                                                        | Thứ sáu: chớ làm sự dâm dục                                                       |
| Thứ bảy: Chớ ăn trộm cắp, chớ ăn gian, ăn bớt của ai.                                                                           | Thứ bảy: Chớ lấy của người                                                        |
| Thứ tám: Chớ bỏ vợ cho người. Chớ nói dối, chớ làm chứng dối, chớ vô chứng cứ mà hồ nghi sự trái cho ai, chớ nói hành bỏ vợ ai. | Thứ tám: Chớ làm chứng dối                                                        |
| Thứ chín: Chớ mong vợ chồng người. Chớ có lòng động lòng lo, tư tưởng sự chẳng nên                                              | Thứ chín: Chớ muốn vợ chồng người                                                 |
| Thứ mười: Chớ tham của người                                                                                                    | Thứ mười: Chớ tham của người                                                      |

**Về bản Kinh lạy Cha**

| Bản 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bản 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha làm dưới đất bằng trên trời vậy. Chúng tôi xin rằng hàng ngày dùng đủ và tha nợ chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi. Lại chớ để chúng tôi phải sa cám dỗ, bền trợ chúng tôi cho khỏi sự dữ. Amen! | Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con lương thực hàng ngày và tha nợ cho chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con. Xin chớ để chúng con sa trước cám dỗ, nhưng cứu chúng con khỏi sự dữ. Amen! |

Qua sự trình bày và phân tích ở trên, có thể khẳng định cuốn *Bốn dạy châu dâg* là một cuốn sách cần thiết cho việc nghiên cứu về giáo lí của Công Giáo ở Việt Nam./.

## NHỮNG ĐIỂM ĐẶC SẮC CỦA PHẬT GIÁO

**Tác giả:** Lâm Thế Mẫn; Thích Chân Tính dịch,  
*Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006, 183 trang*

Phật pháp muốn người ta trước hết phải ngồi xuống, lặng lẽ tỉnh giác quan sát chính mình. Chỉ có thế, con người mới hiểu rõ được những cuồng vọng, khoa trương, ấu trĩ và vô tri của chính mình. Chỉ có nhận thức chính mình mới không mù quáng tự đại và tự ti, mới có ý chí kiên cường, trí huệ ngời sáng để đối diện với thực tại. Với tinh thần đó, tác giả Lâm Thế Mẫn đã cho ra đời cuốn *Những điểm đặc sắc của Phật giáo* nhằm mục đích giúp cho các bạn học sinh Trung học có những hiểu biết về Phật học, giúp ích cho bản thân, góp phần tuyên dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh.

Sách gồm 7 chương, trình bày về những vấn đề cơ bản của Phật giáo, giáo pháp, giáo lý và những lợi ích của tín ngưỡng Phật giáo.

*Chương một* tác giả dành đôi nét nói về những động cơ của mình khi viết cuốn sách này. Với môi trường thuận lợi từ nhỏ cho đến khi trưởng thành, tác giả luôn được tiếp xúc với những giáo lý của Phật giáo và ông đã bị thu hút bởi những giáo lý uyên thâm mẫu nhiệm này. Theo ông có ba động cơ khiến ông viết cuốn sách này: *Một là*, tin chắc Phật pháp là nhu cầu cần thiết của xã hội ngày nay; *Hai là*, Phật giáo có thể chỉ đạo phương hướng một đời cho thanh niên nỗ lực tiến tới; *Ba là*, vì học sinh mà đem hết tâm lực non kém của mình để nghiên cứu Phật học.

*Chương hai* giới thiệu về 10 điểm đặc sắc của Phật giáo theo suy nghĩ của tác giả: Phật là người mà không phải là thần; Phật là người rất bình đẳng; Phật là người không phải sinh ra mà biết; Phật giáo không thừa nhận có người tồi tệ

không thể giáo hóa; Phật không phải là độc nhất vô nhị, mọi người đều có thể thành Phật; Phật giáo không thừa nhận có thần sáng tạo ra vạn vật; Phật pháp tùy theo căn cơ hoàn cảnh mà giáo hóa; Phật pháp là nhập thế; Phật giáo không bài xích đạo khác; Phật giáo là dân chủ và tự do.

*Chương ba* thảo luận để giúp độc giả hiểu rõ hơn, chính xác hơn về Phật giáo, xoá tan đi những hiểu lầm về Phật giáo mà bản thân người đọc đã từng nghe thấy. Tác giả đưa ra 8 điều để thuyết minh: Phật giáo là Trí tín chẳng phải mê tín; Phật pháp là khoa học mà chẳng phải phản khoa học; Phật giáo là từ bi không sát sinh; Phật giáo là tích cực lạc quan; Phật giáo không phải là trốn tránh hiện thực; Phật giáo không chỉ nói suông về nghĩa lý; Phật giáo phủ định Túc mạng luận; Phật giáo không sùng bái hình tượng. Đó là 8 điều mà theo tác giả, người đọc cần nhìn nhận lại giáo pháp của Phật giáo.

Trong các *chương 4, 5 và 6*, tác giả dành để giới thiệu sơ lược về giáo lý Phật giáo, về những lợi ích của tín ngưỡng Phật giáo và một vài điểm nhấn về Phật giáo và Đức Phật. Về giáo lý Phật giáo, tác giả trình bày giản yếu về *Thập thiện, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên...*, về những lợi ích tốt đẹp của tín ngưỡng Phật giáo như: Phật giáo có thể khiến người ta đạt được nhân sinh quan chính xác; Phật giáo có thể khiến cho người ta tích cực hướng thượng; Phật giáo có thể tịnh hóa xã hội lòng người; Phật giáo có thể khiến cho người ta đạt được an lạc chân chính; Phật là bậc đạo sư rất hiền từ của nhân loại; Phật giáo có thể bồi dưỡng nhân cách tự tôn tự tin và độc lập tự chủ. Một vài điểm nhấn của Phật giáo đó là Phật giáo và Văn học Trung Quốc; Phật giáo và Phật học; lý luận và thực tiễn; Thần vì sao sinh ra?

Trong *Chương cuối* của cuốn sách, tác giả đưa ra một số lời khuyên để trở thành một tín đồ Phật giáo, với sự nhấn mạnh vào 3 điểm sau: Trước hết phải hiểu Phật giáo, nghiên cứu Phật học, tiếp là cần có thế nguyện bi tâm rộng lớn, và cuối cùng là thọ Tam quy y.

### **EINSTEIN VÀ ĐỨC PHẬT - NHỮNG TƯ TƯỞNG TƯƠNG ĐỒNG**

Tác giả: Thomas J. McFarlane; Lê Việt Liên dịch, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội 2007, 158 trang

*Einstein và Đức Phật* là một cuốn sách sống động, cho thấy rõ tính chất có căn cứ của trí tuệ con người, là một cầu nối giữa các nền văn hóa với các nền minh triết khác nhau và đưa ra hàm ý, con người có thể hiểu được điều gì đó về bản chất của thực tại. *Einstein* và *Đức Phật* là sự tập hợp tuyệt vời của hai phương cách tiếp cận tri thức rất khác nhau, bởi thế có những cách diễn giải cũng khác nhau. Song cuốn sách *Einstein và Đức Phật - Những tư tưởng tương đồng* là một khởi đầu tuyệt vời cho cuộc đối thoại và cho bạn đọc cái nhìn xuyên thấu những lí lẽ giải thích về sự đồng nhất của tư tưởng này.

Nội dung cuốn sách là sự chọn lọc những trích dẫn lời của Einstein và Đức Phật cho thấy những điểm tương đồng về khoa học hiện đại và triết học Phương Đông. Trên cơ sở này, tác giả khuyến khích bạn đọc xem xét những mối quan hệ gần gũi giữa khoa học hiện đại và triết học Phương Đông và phát hiện ra tính chất phong phú của hai trường phái này. Khoa học và tôn giáo không khác nhau hoàn toàn mà cũng không hoàn toàn giống nhau. Khi những trích dẫn chỉ ra những điểm tương đồng, chúng cho thấy sự thống nhất nổi lên trên những bất đồng khoa học và tôn giáo. Ngược lại, khi đề cập đến những dị biệt, chúng minh

họa cho bản chất thâm sâu của sự thống nhất ấy.

Ngoài Einstein và Đức Phật ra, tác giả còn giới thiệu những trích dẫn của một số nhà vật lí học và nhà triết học khác cùng và sau thời điểm. Đại diện cho khoa học hiện đại là Albert Einstein (Đức) và một số nhà khoa học vật lí khác như: Max Planck (Đức), Niels Bohr (Đan Mạch), Werner Heisenberg (Đức) hay Richard Feynman (Mỹ), v.v... Đại diện cho triết học Phương Đông là những người theo chủ nghĩa thần bí ở Ấn Độ, đó là Đức Phật và một số nhà tư tưởng tôn giáo khác như nhà sư Tây Tạng Kongtrul Lodro Tayé, Đức Đà Lai Lạt Ma. ở Trung Quốc cùng thời với Đức Phật còn có Lão Tử, rồi Trang Tử.

Những nhà tư tưởng chính của hai trường phái này tuy bị phân cách bởi tư tưởng thế giới - khoa học và tôn giáo nhưng lại rất gần gũi với nhau bởi vì họ cùng đi tìm những chân lí cơ bản của cùng một thực tại, và cùng quan tâm tới các vấn đề như nhau, cùng sử dụng một số lớn những công cụ tìm kiếm như nhau. Họ cùng quan tâm đến những vấn đề về: *Kinh nghiệm của con người; Hòn đá tảng của Chân lí; Nghịch lí và Mâu thuẫn; Điều có thể nói và Điều khó diễn tả; Chủ thể và Khách thể; Danh và Tướng; Vọng tưởng và Sai lầm; Sóng, Trường và Năng lượng; Các hạt và Vật chất; Tính toàn vẹn và Phụ thuộc lẫn nhau; Thời gian và Không gian; Hình thái biểu hiện và Quan hệ nhân quả; Tính đồng nhất và Tính đa dạng; Ngôn ngữ vật lí và Chủ nghĩa thần bí.*

Trong mỗi chủ đề, tác giả đều có những giải nghĩa về các thuật ngữ và đưa ra những trích dẫn của hai trường phái khoa học và tôn giáo để minh chứng về sự tương đồng này. Sau cùng là tác giả giới thiệu sơ lược về tiểu sử của 15 nhà khoa học Phương Tây và 20 nhà tâm linh Phương Đông.

## TIN TÔN GIÁO

### ĐẠI HỘI ĐỒNG LẦN THỨ 45 HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM (MIỀN NAM)

Từ ngày 3 đến ngày 6/3/2009 tại Tp. Hồ Chí Minh, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) tổ chức Đại hội đồng lần thứ 3 (lần thứ 45 theo lịch sử Giáo hội) nhiệm kỳ 2009-2013. Tham dự có Đại hội có 1051 đại biểu chính thức và hơn 1000 đại biểu không chính thức đi hành hương đến từ 34 tỉnh, thành phố phía Nam, ngoài ra còn có khách mời đại diện các tổ chức Tin Lành trong nước, quốc tế và đại diện Tổng lãnh sự quán một số quốc gia ở Tp. Hồ Chí Minh. Đến dự và phát biểu chúc mừng Đại hội có đại diện lãnh đạo Ban Tôn giáo Chính phủ, các Bộ, ban ngành đoàn thể Trung ương và địa phương liên quan cùng một số cơ quan thông tấn báo chí. Nội dung chính của Đại hội đồng lần này là Tổng kết nhiệm kỳ 2005-2009; bồi linh, tu chỉnh Hiến chương; bầu Ban Trị sự mới và thông qua Kế hoạch công tác nhiệm kỳ 2009-2013. Ban Trị sự được bầu mới gồm 23 thành viên, Mục sư Thái Phước Trường tái đắc cử làm Hội trưởng, các mục sư Phan Vinh Cự, Ngô Văn Bửu làm Phó hội trưởng, mục sư Lê Cao Quý làm Tổng thư ký, Mục sư Nguyễn Hữu Bình làm Tổng thủ quỹ. Thay mặt Giáo hội, mục sư Thái Phước Trường, tân Hội trưởng đã có lời cảm ơn tới chính quyền các cấp đã tạo điều kiện để Đại hội được tổ chức thành công và khẳng định sẽ thực hiện tốt đường hướng mà Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) đã tuyên xưng "*Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ tổ quốc và dân tộc*".

### HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM (MIỀN BẮC) TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG LẦN THỨ 33

Từ ngày 23 đến ngày 25/2/2009 tại nhà thờ Hội thánh Hoàn Nhị, xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) tổ chức Đại hội đồng lần thứ 33 nhiệm kỳ 2009-2013. Tham dự có Đại hội có 250 đại biểu chính thức là mục

sư, người hướng dẫn việc đạo, tín đồ và khoảng hơn 400 đại biểu không chính thức là vợ các mục sư, trưởng diễn nhóm, tín đồ đi hành hương. Nội dung chính của Đại hội đồng là chỉnh sửa Điều lệ, bầu Ban Trị sự, và thông qua Kế hoạch công tác nhiệm kỳ 2009-2013. Ngoài ra trong thời gian Đại hội còn diễn ra lễ rước phụng vụ cho 9 mục sư nhiệm chức. Ban Trị sự được bầu mới gồm 13 thành viên, Mục sư Nguyễn Hữu Mạc được bầu làm Hội trưởng, Mục sư Phùng Quang Huyền làm Phó Hội trưởng, Mục sư Bùi Văn Sản làm Tổng thư ký, và Mục sư Nguyễn Đức Đồng làm Tổng thủ quỹ. Đại hội tiếp tục xác định tôn chỉ được xây dựng từ đại hội lần thứ 32 là "*Hết lòng thờ phượng Đức Chúa Trời Ba ngôi, yêu tổ quốc, bảo vệ hoà bình, thực hiện công bằng, bác ái, tự do, bình đẳng và lao động*".

### BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ TRAO QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN VỀ TỔ CHỨC CHO HỘI THÁNH MENNONITE VIỆT NAM

Thực hiện *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, thừa uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ và trên cơ sở ý kiến thống nhất của các ngành chức năng ở Trung ương, ngày 11/2/2009, tại trụ sở ở 53 Tràng Thi, Hà Nội, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức lễ trao *Quyết định công nhận về mặt tổ chức* đối với Hội Thánh Mennonite Việt Nam (Quyết định số 12/2009/QĐ-TGCP, ngày 5/2/2009). Tham dự buổi lễ có đồng chí Nguyễn Thế Doanh - Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Trị sự Hội Thánh Mennonite Việt Nam và phóng viên của một số cơ quan thông tấn báo chí. Thay mặt Hội Thánh, mục sư Nguyễn Quang Trung - Hội trưởng Hội Thánh Mennonite Việt Nam có lời cảm ơn đến các cấp chính quyền, đoàn thể đã tạo điều kiện giúp đỡ Hội Thánh trong thời gian qua và xin hứa sẽ hoạt động theo đúng đường hướng tiến bộ mà Hội Thánh đã tuyên xưng là "*Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và đồng hành cùng dân tộc*".

N.Đ.B